

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/DSST
Ngày: 27- 9- 2018
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Điều Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thận
2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số: 110/2018/ DSST ngày 25 tháng 5 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2018/QĐST - DS ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị T; sinh năm: 1961 (vắng mặt)

Bà Trần Thị Thúy N; sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Hoàng Văn Khính:

1. Anh Hoàng Văn Q; Sinh năm 1986 (vắng mặt)

2. Anh Hoàng Văn D; sinh năm 1993 (vắng mặt)

3. Chị Hoàng Thị B; sinh năm 2000 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn
Bà Nguyễn Thị B trình bày:* Do có quen biết nên Bà Nguyễn Thị B có mua bán

thịt heo, thịt bò với bà Nguyễn Thị T và chị Trần Thị Thúy N khoảng thời gian dài, trong khoảng thời gian từ năm 2011 và năm 2012 bà có bán thịt heo, thịt bò cho bà Tvà chị N làm cửa hàng bán đồ ăn và có cho bà T chị N vay tiền nhiều lần. Đến ngày 16/11/2012 thì hai bên có chốt tổng số tiền mà bà Tvà chị N còn nợ lại bà B là 850.000.000đ(Tám trăm năm mươi triệu đồng) và tại thời điểm ngày 16/11/2012 thì bà Tvà chị N trả cho bà B số tiền là 650.000.000đ còn viết giấy nợ là số tiền là 200.000.000đ hẹn một năm rưỡi kể từ ngày 16/11/2012 sẽ trả đủ cho bà B. Hai bên có làm giấy viết tay và bà Nguyễn Thị T và chị Trần Thị Thúy N có ký tên. Các bên không thỏa thuận tiền lãi suất.

Tuy nhiên bà B không xác định trong số tiền 200.000.000đồng mà hai bên chốt nợ là bao nhiêu tiền thịt bao nhiêu tiền vay. Từ năm 2012 cho đến nay Bà Nguyễn Thị B đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị T và chị Trần Thị Thúy N trả cho bà số tiền còn lại là 200.000.000đ nhưng bà Tvà chị N không trả cho bà. Theo như đơn khởi kiện bà B Yêu cầu chị N và bà T trả số tiền nợ gốc là 200.000.000đ và tiền lãi tạm tính từ tháng 5/2014 cho đến tháng 5/2018 là 4 năm $\times 200.000.000\text{đ} \times 9\%/năm = 72.000.000\text{đ}$. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất, bà chỉ yêu cầu bà Tvà chị N trả số tiền nợ gốc.

Số tiền 200.000.000đ là tài sản của Bà Nguyễn Thị B và chồng bà là Hoàng Văn K(ông K đã chết theo như giấy chứng tử ngày 14/3/2012).

Tại biên bản hòa giải ngày 23/8/2018 và tại phiên tòa thì Bà Nguyễn Thị B chốt số tiền còn lại bà Nguyễn Thị T và chị Trần Thị Thúy N còn nợ lại là 190.000.000đ sau khi đã căn trừ nhiều lần bà Tvà chị N trả cho bà B mỗi lần 3 triệu, 5 triệu, 2 triệu, thời gian trả bà không nhớ rõ. Hiện nay, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị T và chị Trần Thị Thúy N phải trả cho bà một lần số tiền là 190.000.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác và không bổ sung gì thêm.

** Tại phiên tòa vắng mặt bà Nguyễn Thị T tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà T trình bày:* Bà T và chị N thừa nhận có mua bán thịt heo, thịt bò từ năm 2011 tới năm 2012 và bà có vay tiền nhiều lần của bà B, đến ngày 16/11/2012 thì hai bên có viết giấy chốt các khoản nợ mua bán thịt heo, thịt bò và tiền vay còn nợ thì bà Nguyễn Thị T chị Trần Thị Thúy N còn nợ lại bà Nguyễn Thị Bình số tiền là 200.000.000đ. Giấy nợ tiền ngày 16/11/2012 là do bà có ký. Tuy nhiên bà không xác định trong đó bao gồm tiền mua thịt heo, bò và tiền vay. Bà Thai bên có ghi trong giấy chốt nợ số tiền 200.000.000đồng hẹn 1 năm rưỡi sẽ trả. Tuy nhiên bà và bà B có thỏa thuận miệng khi nào có tiền thì bà trả. Sau đó bà đã trả nhiều lần mỗi lần một, hai triệu, những lần trả tiền bà không nhớ cũng không ghi sổ do hai bên quen biết tin tưởng nhau, bà thừa nhận hiện tại còn nợ Bà Nguyễn Thị B số tiền là 190.000.000đ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả góp mỗi tháng 3.000.000đ cho bà B.

Bị đơn chị Trần Thị Thúy N trình bày: chị hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của bà Tvà không bổ sung gì thêm.

** Những nội dung các bên thừa nhận:* Nguyên đơn và bị đơn thống nhất số nợ là 190.000.000đ

* *Những nội dung các bên không thừa nhận:* không thống nhất về thời hạn trả tiền.

* **Đại diện Viện kiểm sát huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 428, 431, 438, 471, 474 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị T liên đới với chị Trần Thị Thúy N trả cho bà B số tiền còn nợ 190.000.000đồng. Về tiền lãi, nguyên đơn đã rút yêu cầu nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào giấy chốt nợ ngày 16/11/2012 có nội dung Bà Nguyễn Thị B có mua bán thịt heo, thịt bò với bà Nguyễn Thị T và chị Trần Thị Thúy N nhiều lần. Đến ngày 16/11/2012 thì hai bên có chốt tổng số tiền mà bà T và chị N còn nợ 200.000.000đ hẹn một năm rưỡi kể từ ngày 16/11/2012 sẽ trả đủ cho bà B. Tuy nhiên bà B chị N chỉ thanh toán 10.000.000đồng. Số tiền còn lại đến nay bà T chị N không trả như thỏa thuận nên bà B khởi kiện yêu cầu bà B và chị N thanh toán số tiền còn nợ từ việc mua bán tài sản.

Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “ *Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán....*”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa bà B và bà T chị N là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Nguyễn Thị T và chị Trần Thị Thúy N phải trả cho bà số tiền là 190.000.000đ.

Căn cứ vào lời khai các bên đương sự có trong hồ sơ vụ án thì từ năm 2011 Bà Nguyễn Thị B có mua bán thịt heo, thịt bò với bà Nguyễn Thị T và chị Trần Thị Thúy N nhiều lần, khi mua bán bà B ghi trong sổ cá nhân của bà. Ngoài ra bà T và chị N có vay tiền nhiều lần của vợ chồng bà B ông Hoàng Văn K. Đến ngày 16/11/2012 thì hai bên có chốt tổng số tiền mà bà T và chị N còn nợ lại bà B là 850.000.000đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng) bao gồm cả tiền vay và nợ tiền thịt. Tại thời điểm ngày 16/11/2012 thì bà T và chị N trả cho bà B số tiền là 650.000.000đ còn nợ lại số tiền 200.000.000đ hẹn một năm rưỡi kể từ ngày 16/11/2012 sẽ trả đủ cho bà B và hai bên thỏa thuận các giấy tờ trước ngày chốt nợ không có giá trị. Các bên đều không xác định trong số tiền chốt nợ bao nhiêu tiền vay và bao nhiêu tiền nợ thịt. mà chỉ xác định chốt lại bà T chị N còn nợ từ việc mua bán là 200.000.000đồng. Các bên cũng không tranh chấp về xác định

từng khoản tiền nên Hội đồng không xem xét. Theo giấy chốt nợ thì hai bên thỏa thuận số tiền nợ trả cho bà B trong một năm rưỡi kể từ ngày chốt nợ. Đến hạn trả nợ bà T chị N đã trả 10.000.000đồng. Bà T chị N còn nợ bà B số tiền 190.000.000đồng. Điều này bà B, bà T chị N đều thừa nhận (tại bút lục số 35). Tuy nhiên các bên không thống nhất thời hạn trả. Bị đơn bà T chị N cho rằng số tiền nợ 200.000.000đồng hai bên thỏa thuận mỗi tháng trả từ 2.000.000đồng đến 3.000.000đồng, nguyên đơn bà B không thừa nhận. Căn cứ vào giấy chốt nợ ngày 16/11/2012 thì hai bên thỏa thuận trả trong vòng 1,5 năm. Như vậy lời nại của bị đơn không được chấp nhận.

Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “1. Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm giao tài sản”

Mặt khác, khi bà T chị N vay tiền thì có mặt ông Nguyễn Văn K, là tiền của vợ chồng ông K bà B. Tuy nhiên khi chốt nợ ngày 16/11/2012 thì ông K chết. Do đó Tòa án xác định tư cách của những người con ông K bà B là Anh Hoàng Văn Q, Anh Hoàng Văn D, Chị Hoàng Thị B là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông K. Tuy nhiên quá trình làm việc với những người liên quan thì họ đều xác định họ không tranh chấp gì đối với số tiền này và giao bà B toàn quyền quyết định. Vì đây là tài sản của bà B.

Từ những căn cứ trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và chị Trần Thị Thúy N liên đới trả số tiền 190.000.000đồng cho nguyên đơn bà B.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 72.000.000đồng và tiền gốc 10.000.000đồng. Do đó cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B.

[4] Về án phí: Yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp tiền án phí theo luật định.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 428, 429; 431 và 433 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và chị Trần Thị Thúy N liên đới trả cho nguyên đơn Bà Nguyễn Thị B số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị B đối với số tiền 72.000.000đồng và tiền nợ 10.000.000đồng.

[2] Về án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và chị Trần Thị Thúy N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.500.000đồng.

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn Bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí là 6.800.000đồng theo biên lai thu tiền số 0022051 ngày 25 tháng 5 năm 2018.

[3] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Điều Thị Hạnh